

Chủ đề: PHÁT TRIỂN BÀI BÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Người trình bày: PGS. TS. Phùng Thái Minh Trang

CÁC PHẦN QUAN TRỌNG CẦN CHÚ Ý KHI PHÁT TRIỂN BÀI BÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Các phần chính khi xuất bản trên các tạp chí khoa học bao gồm:

- 1/ Tóm tắt**
- 2/ Giới thiệu**
- 3/ Cơ sở lý luận**
- 4/ Phương pháp nghiên cứu**
- 5/ Kết quả và Thảo luận**
- 6/ Kết luận**
- 7/ Tài liệu tham khảo**

Phần *Tóm tắt* bao gồm:

- + Lý do chọn đề tài**
- + Lý thuyết**
- + Dữ liệu thu thập**
- + Phương pháp NC**
- + Kết quả**
- + Hàm ý quản trị**

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p><i>Ngày nhận: 31/12/2022</i> <i>Ngày nhận lại: 24/04/2023</i> <i>Duyệt đăng: 25/04/2023</i></p> <p>Mã phân loại JEL: O32; A22.</p> <p>Từ khóa: Công nghệ tài chính; Kiến thức tài chính; Kiến thức công nghệ:</p>	<p>Thị trường công nghệ tài chính đang phát triển tại Việt Nam nhưng không nhiều các nghiên cứu về lĩnh vực này. Do đó, dựa vào lý thuyết về đổi mới và hành vi dự định, nghiên cứu kiểm tra vai trò của kiến thức tài chính trong quyết định sử dụng công nghệ tài chính. Nghiên cứu khảo sát 718 sinh viên đại học và sử dụng hai phương pháp hồi quy đa biến và cấu trúc tuyến tính. Kết quả tìm thấy kiến thức tài chính không những ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ và sử dụng công nghệ tài chính mà còn điều tiết sự ảnh hưởng của kiến thức công nghệ đến thái độ và sử dụng công nghệ tài chính. Kết quả hàm ý đến các nhà làm chính sách trong việc nâng cao kiến thức tài chính cho công dân Việt Nam nhằm giúp thị trường công nghệ tài chính nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung phát triển bền vững.</p>

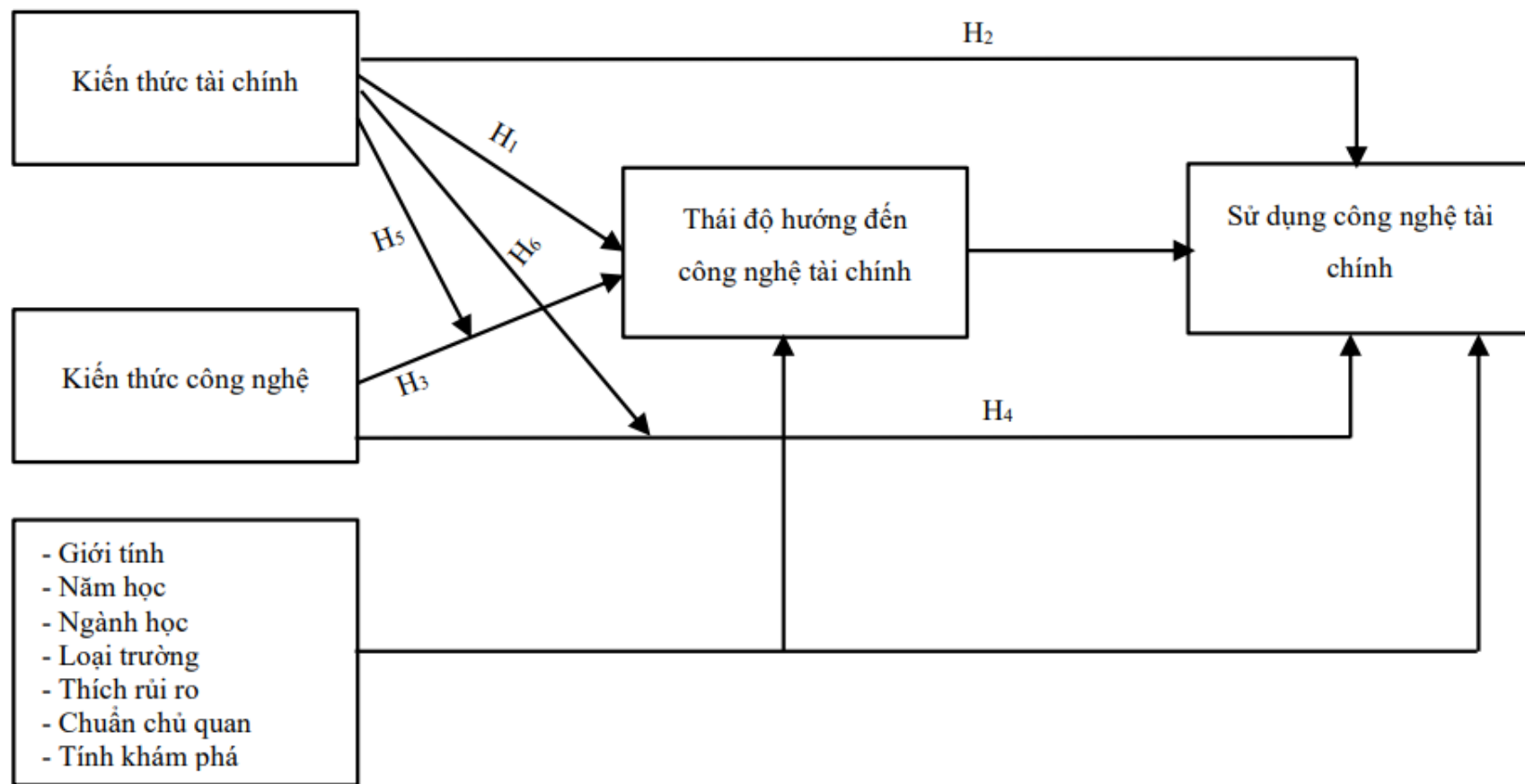
Phần Giới thiệu:

Nêu bật vì sao đề tài quan trọng và cần nghiên cứu bằng cách:

- **Vĩ mô: Đề tài đóng góp cho nền kinh tế như thế nào?**
- **Tóm tắt lý thuyết nền và các nghiên cứu liên quan nhất**
- **Khoảng trống trong nghiên cứu**

Phần Cơ sở lý luận bao gồm:

- **Lý thuyết nền**
- **Các nghiên cứu liên quan**
- **Đề xuất các giả thuyết**
- **Mô hình nghiên cứu**



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Phần Phương pháp nghiên cứu bao gồm:

- Phương pháp định tính và/ hoặc định lượng
- Dữ liệu thứ cấp/ sơ cấp
- Mô tả cách thức thu thập dữ liệu
- Phương pháp kiểm định (độ tin cậy; hệ số tương quan; EFA, CFA,..)
- Phương pháp kiểm tra mối quan hệ nhân – quả
- Đo lường các biến (nguồn gốc thang đo)

Bảng 1.

Mô tả các biến trong mô hình

STT	Tên biến	Ký hiệu	Loại biến	Nguồn gốc của thang đo
1	Sử dụng dịch vụ Fintech	SUDUNG	Biến phụ thuộc	Wang và Shih (2009).
2	Thái độ hướng đến Fintech	THAIDO	Biến trung gian	Venkatesh và cộng sự (2003).
3	Kiến thức tài chính	KTTAICHINH	Biến độc lập và điều tiết	van Rooij và cộng sự (2011), và Phung (2020).
4	Kiến thức công nghệ	KTCONGHE	Biến độc lập	Bellofatto và cộng sự (2018).
5	Chuẩn chủ quan	CHUANCQ	Biến kiểm soát	Bellofatto và cộng sự (2018), Phung và cộng sự (2022).
6	Yêu thích rủi ro	RUIRO		
7	Tính khám phá công nghệ	KHAMPHA		
8	Giới tính	GIOITINH		
9	Năm học	NAMHOC		
10	Ngành học	NGANHOC		
11	Loại trường học	LOAITRUONG		

Bảng 2.

Kiểm định độ tin cậy thang đo

	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha (nếu loại biến)	Hệ số Cronbach's Alpha
<i>SUDUNG</i>					<i>0,743</i>
SUDUNG1	6,6407	3,915	0,569	0,658	
SUDUNG2	6,8858	3,820	0,587	0,637	
SUDUNG3	6,8245	4,070	0,551	0,680	
<i>THAIDO</i>					<i>0,856</i>
THAIDO1	10,640	9,701	0,566	0,868	
THAIDO2	10,374	8,673	0,723	0,806	
THAIDO3	9,817	8,096	0,777	0,782	
THAIDO4	9,696	8,510	0,735	0,801	

Ghi chú: Chi tiết tên biến xem trong Bảng 1.

Phần Kết quả nghiên cứu bao gồm:

- Mô tả dữ liệu (bảng)
- Kết quả liên quan đến các giả thuyết
- Thảo luận kết quả

Bảng 5.

Thống kê mô tả

	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị thấp nhất	Giá trị cao nhất
1. GIOITINH (Nam =1)	0,37	0,48	0	1
2. NAMHOC	2,78	0,87	1	4
3. NGANHOC (Tài chính & kế toán = 1)	0,33	0,47	0	1
4. LOAITRUONG (Công lập = 1)	0,66	0,47	0	1
5. KTTAICHINH	0,51	0,20	0	0,94
6. KTCONGHE	3,73	0,98	1	5
7. RUIRO	3,99	0,92	1	5
8. KHAMPHA	3,64	0,96	1	5
9. CHUANCQ	3,69	1,20	1	5
10. THAIDO	3,38	0,96	1	5
11. SUDUNG	3,27	0,87	1	5

Bảng 4.

Ảnh hưởng của sự căng thẳng, tính cách đến mức độ hài lòng lợi nhuận

Biến độc lập	Mô hình (1)	Mô hình (2)	Mô hình (3)
Căng thẳng_COVID	–0,441 (–12,436) ***	–0,426 (–12,002) ***	–0,425 (–11,940)***
Tính dễ chịu		–0,061 (–1,706) *	–0,045 (–1,219)
Tính nhạy cảm		0,051 (1,145)	0,037 (0,816)

Phần Thảo luận kết quả nghiên cứu bao gồm:

- Thảo luận các giả thuyết
- Thảo luận kết quả có ý nghĩa
- Thảo luận kết quả không có ý nghĩa.

Bảng 9.

Kết quả các giả thuyết và các mối quan hệ khác

STT	Các mối quan hệ		Cùng chiều (+); ngược chiều (-)	Giả thuyết	Kết quả
1	KTTAICHINH	----> THAIDO	+	H ₁	Chấp nhận
2	KTTAICHINH	----> SUDUNG	+	H ₂	Chấp nhận
3	KTCONGHE	----> THAIDO	-	H ₃	Bác bỏ
4	KTCONGHE	----> SUDUNG	+	H ₄	Chấp nhận
5	KTTAICHINH x KTCONGHE		----> THAIDO	H ₅	Chấp nhận
6	KTTAICHINH x KTCONGHE		----> SUDUNG	H ₆	Chấp nhận
7	GIOITINH		-		*
8	NGANHHOC		-		*
9	NAMHOC		+		*
10	CHUANCQ	----> THAIDO	+		
11	LOAITRUONG		-		
12	KHAMPHA		-		
13	RUIRO		-		
14	CHUANCQ	----> SUDUNG	+		
15	THAIDO		+		*
16	GIOITINH		+		*
17	NGANHHOC		+		*

Phần Kết luận bao gồm:

- **Kết luận về các phương pháp sử dụng và kết quả đạt được**
- **Hàm ý quản trị**
- **Giới hạn đề tài và đề xuất các nghiên cứu tiếp theo**

Phần Tài liệu tham khảo:

- Trích dẫn theo tiêu chuẩn APA phiên bản mới nhất 2024: <https://libguides.murdoch.edu.au/APA/all>

Author Surname(s), Page(s)

(Cervone & Pervin, 2017, pp. 13-16)

Year of Publication,

No distinction is made between books, journal articles, internet documents or other formats except for electronic documents that do not provide page numbers. In this case use the paragraph number, if available, with the abbreviation para.

The full details of the source are given in a reference list at the end of the document:

Author(s). Title: (Edition.).

Cervone, D., & Pervin, L. A. (2017). *Personality: Theory and research* (13th ed.). Wiley.

(Year of Publication). Subtitle Publisher.

Thank you for your attention

Q&A